

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ THEO TT68 VÀ NGHỊ ĐỊNH 119

1. Hiệu lực ÁP DỤNG BẮT BUỘC SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TỪ 1/11/2020 :

- Theo như **khoản 3 điều 26** của TT68/2019/TT-BTC: Từ ngày **01 tháng 11 năm 2020**, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh **phải thực hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này**

Lưu ý 1: Từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành (**tức là từ 14/11/2019**) đến **ngày 31 tháng 10 năm 2020**, các văn bản của Bộ Tài chính ban hành sau đây vẫn có hiệu lực thi hành:

- a) Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- b) Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01 tháng 12 năm 2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;
- c) **Thông tư số 39/2014/TT-BTC** ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi **Thông tư số 119/2014/TT-BTC** ngày 25 tháng 8 năm 2014, **Thông tư số 26/2015/TT-BTC** ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính);
- d) Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, Quyết định số 526/QĐ-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.
- đ) Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc gia hạn thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2015;
- e) Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính).

Lưu ý 2: Theo như khoản 2, 3 của Điều 27 TT68/2019/TT-BTC có ghi

2. Từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, để chuẩn bị **điều kiện cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để đăng ký, sử dụng, tra cứu và chuyển dữ liệu lập hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP, trong khi cơ quan thuế chưa thông báo các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định Nghị định số 119/2018/NĐ-CP** và theo hướng dẫn tại Thông tư này thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP.

3. **Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử** theo quy định tại Thông tư này nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà có sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo **Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP** và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. **Người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập** (theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) có sai sót, **sau đó người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).**

⇒ Như vậy nếu các bạn mà có sai sót hóa đơn điện tử ***từ đây đến ngày 31/10/2020 thì xử lý theo TT32 và TT39, TT26 nhé.*** Chưa thể áp dụng TT68 để xử lý sai sót hóa đơn điện tử được (Vì cơ quan

thuế phải chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông)

2. Một số trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ nội dung của hóa đơn điện tử

2.1. Đầu tiên phải nói đến Nội dung của hóa đơn điện tử CẦN PHẢI CÓ theo như Khoản 1 Điều 3 của TT68 như sau:

- a) Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn
- b) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán
- c) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua (nếu người mua có mã số thuế)
- d) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.
- đ) Chữ ký số, chữ ký điện tử của **người bán và người mua**
- e) **Thời điểm lập hóa đơn điện tử**

Thời điểm lập hóa đơn điện tử xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm (ví dụ: ngày 30 tháng 4 năm 2019) và PHÙ HỢP với hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư 68 này.

=> Vậy là hóa đơn điện tử **phải có chữ ký số của người bán** được hiển thị định dạng NGÀY THÁNG NĂM NHÉ CÁC BẠN (Xem mẫu hóa đơn điện tử bên dưới). Và ngày ký hóa đơn điện tử phù hợp với thời điểm lập hóa đơn điện tử. Vậy thời điểm lập hóa đơn điện tử theo như hướng dẫn tại Điều 4 của TT68 như sau:

- Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với **bán hàng hóa** là thời điểm **chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua**, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với **cung cấp dịch vụ** là thời điểm **hoàn thành việc cung cấp dịch vụ** hoặc thời điểm lập hóa đơn

cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc **bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ** thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.

- Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với tổ chức **kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng**:

+ *Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn điện tử là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng.*

+ *Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Tức là giống như về bán hàng hóa.*

g) Mã của cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

h) Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, chiết khấu thương mại, khuyến mại (nếu có) theo hướng dẫn tại điểm d.3 khoản này và các nội dung khác liên quan (nếu có).

Mẫu hóa đơn có chữ ký điện tử bên bán thể hiện ngày tháng năm

VNPT		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: AB/17E Số: 0000001	
Đơn vị bán hàng: VNPT Khánh Hòa					
Mã số thuế: 4200464415					
Địa chỉ: 04 Lê Lợi, Phường Xương Huân Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam					
Điện thoại: 0258 3815 607			Fax: 0258 3815 608		
Số tài khoản: 789797980			tại: Ngân hàng ...		
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn A					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV ...					
Mã số thuế: 12345678					
Địa chỉ: Phường Xương Huân Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam					
Số tài khoản: 654897					
Hình thức thanh toán: Thanh toán tiền mặt					
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	hàng hóa 1	cái	2	10.000	20.000
Tổng tiền hàng:					20.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 545.824
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.004.064
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm linh bốn nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ Ngày 18 tháng 01 năm 2019 Người chuyển đổi (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	
<div style="border: 1px solid black; border-radius: 15px; padding: 10px; display: inline-block;"> <p>Có thể hiện ngày tháng năm như thế này</p> </div>					
<div style="text-align: right;"> <p>Signature Valid</p> <p>Ký bởi</p> <p>CN CÔNG TY TNHH MTV</p> <p>BÁNH KEO Á CHÂU</p> <p>Ký ngày: 16/01/2019</p> </div>					

2.2 Một số trường hợp hóa đơn điện tử KHÔNG NHẤT THIẾT có đầy đủ các nội dung của hóa đơn điện tử được nêu tại 2.1 bên trên . Gồm có 8 trường hợp. Xem tại khoản 3 Điều 3 TT68

a) Trên hóa đơn điện tử *không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua* (bao gồm cả trường hợp lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng ở nước ngoài). Trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh và người mua, người bán có thỏa thuận về việc người mua đáp ứng các điều kiện kỹ thuật để ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử do người bán lập thì hóa đơn điện tử có chữ ký số, ký điện tử của người bán và người mua theo thỏa

thuận giữa hai bên.

=> Vậy hóa đơn điện tử **KHÔNG NHẤT THIẾT PHẢI CÓ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI MUA. NHƯNG PHẢI CÓ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ CỦA NGƯỜI BÁN THỂ HIỆN DƯỚI DẠNG LÀ NGÀY THÁNG NĂM NHÉ**

b) Đối với hóa đơn điện tử bán hàng *tại siêu thị, trung tâm thương mại* mà người mua là cá nhân không kinh doanh thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ, mã số thuế người mua.

=> Nếu cá nhân không kinh doanh mua hàng hóa tại siêu thị và trung tâm thương mại thì trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có **TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ MÃ SỐ THUẾ CỦA NGƯỜI MUA** (tức không có cũng được và có cũng không sao). Mặc nhiên là không cần chữ ký số người mua

c) Đối với *hóa đơn điện tử bán xăng dầu* cho khách hàng **là cá nhân không kinh doanh** thì không nhất thiết phải có các chỉ tiêu **tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua; chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng**. Người bán phải đảm bảo lưu trữ đầy đủ hóa đơn điện tử đối với trường hợp bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh theo quy định và đảm bảo có thể tra cứu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

=> Tức là hóa đơn **xăng dầu điện tử bán cho cá nhân không kinh doanh** thì không cần có (tên hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn,; tên, địa chỉ mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua, chữ ký điện tử người bán, thuế suất thuế GTGT)

=> **KHÔNG CẦN CÓ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ CỦA NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA LUÔN**

d) Đối với hóa đơn điện tử là **tem, vé, thẻ** thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có **chữ ký điện tử, chữ ký số của người bán (TRỪ trường hợp tem, vé, thẻ là hóa đơn điện tử do cơ quan thuế cấp mã), tiêu thức người mua (tên, địa chỉ, mã số thuế), tiền thuế, thuế suất thuế giá trị gia tăng. Trường hợp tem, vé, thẻ điện tử có sẵn mệnh giá thì không nhất thiết phải có tiêu thức đơn vị tính, số lượng, đơn giá.**

=> **KHÔNG CẦN CÓ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ CỦA NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA LUÔN. KHÔNG CẦN TIÊU THỨC TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ**

MÃ SỐ THUẾ NGƯỜI MUA

đ) Đối với chứng từ điện tử **dịch vụ vận tải hàng không** xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế cho người mua là **cá nhân không kinh doanh được xác định là hóa đơn điện tử** thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu hóa đơn, số thứ tự hóa đơn, thuế suất thuế giá trị gia tăng, mã số thuế, địa chỉ người mua, chữ ký số, chữ ký điện tử người bán.

e) Đối với hóa đơn của hoạt động **xây dựng, lắp đặt; hoạt động xây nhà để bán** có thu tiền theo tiến độ theo hợp đồng thì **trên hóa đơn không nhất thiết phải có đơn vị tính, số lượng, đơn giá.**

=> TỨC LÀ HÓA ĐƠN XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT, HOẠT ĐỘNG XÂY NHÀ ĐỂ BÁN CÓ THU TIỀN THEO TIẾN ĐỘ THÌ HÓA ĐƠN KHÔNG NHẤT THIẾT PHẢI CÓ ĐƠN VỊ TÍNH, SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

g) Đối với Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử thì trên Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử **không thể hiện các tiêu thức người mua** mà thể hiện tên người vận chuyển, phương tiện vận chuyển, địa chỉ kho xuất hàng, địa chỉ kho nhập hàng; không thể hiện tiền thuế, thuế suất, tổng số tiền thanh toán.

h) Hóa đơn sử dụng cho thanh toán **Interline giữa các hãng hàng không được lập theo quy định của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế** thì trên hóa đơn không nhất thiết phải có các chỉ tiêu: ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu hóa đơn, tên địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký điện tử của người mua, đơn vị tính, số lượng, đơn giá.

3. Cách viết chữ, viết số và đồng tiền trên hóa đơn điện tử

a) **Chữ viết** hiển thị trên hóa đơn là **tiếng Việt**. Trường hợp cần ghi thêm chữ nước ngoài thì **chữ nước ngoài được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc đặt ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ chữ nhỏ hơn chữ tiếng Việt**. Trường hợp chữ trên hóa đơn là chữ tiếng Việt không dấu thì các chữ viết không dấu trên hóa đơn phải đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch nội dung của hóa đơn.

=> Có thể **viết tiếng anh sau tiếng việt** và cỡ chữ tiếng anh nhỏ hơn cỡ chữ tiếng việt. Hoặc viết tiếng anh trong ngoặc đơn và có thể viết không dấu trên hóa đơn

b) **Chữ số** hiển thị trên hóa đơn là chữ số Ả-rập: **0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9**. **Người bán được lựa chọn**: sau chữ số hàng nghìn, triệu, tỷ, nghìn tỷ, triệu tỷ, tỷ tỷ phải

đặt **dấu chấm** (.), nếu có ghi chữ số sau chữ số hàng đơn vị phải đặt dấu phẩy (,) sau chữ số hàng đơn vị **HOẶC** sử dụng dấu phân cách số tự nhiên là dấu phẩy (,) sau chữ số hàng nghìn, triệu, tỷ, nghìn tỷ, triệu tỷ, tỷ tỷ và sử dụng dấu chấm (.) sau chữ số hàng đơn vị trên chúng từ kế toán.

=> Tức là người bán **ĐƯỢC QUYỀN LỰA CHỌN** sau chữ số hàng nghìn, triệu, tỷ, nghìn tỷ, triệu tỷ, tỷ tỷ phải đặt **DẤU CHẤM** (.) **HOẶC DẤU PHẨY** (,) đều được.

c) **Đồng tiền ghi trên hóa đơn là Đồng Việt Nam**, ký hiệu quốc gia là “đ”.

- Trường hợp nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối, thì đơn giá, thành tiền, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, **tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng nguyên tệ**. Người bán đồng thời thể hiện trên hóa đơn tỷ giá nguyên tệ với đồng Việt Nam theo tỷ giá theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Mã ký hiệu ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: 13.800,25 USD - Mười ba nghìn tám trăm đô la Mỹ và hai mươi nhăm xu, ví dụ: 5.000 EUR- Năm nghìn euro).

- Trường hợp bán hàng hóa phát sinh bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về ngoại hối và được nộp thuế bằng ngoại tệ thì tổng số tiền thanh toán thể hiện trên hóa đơn thể hiện theo nguyên tệ, không phải quy đổi ra đồng Việt Nam.

4. Thời điểm lập hóa đơn điện tử

1. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với **bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ** hoặc giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ được xác định theo quy định tại **Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP**.

Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 của ND119/2018/NĐ-CP. Như sau:

1. Thời điểm lập hóa đơn điện tử **đối với bán hàng hóa** là thời điểm **chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua**, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với cung cấp dịch vụ là **thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ** hoặc thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Lưu ý: Trong khi TT39 lại nói thời điểm xuất hóa đơn dịch vụ: **Ngày lập hóa đơn đối với cung ứng dịch vụ** là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ **thực hiện thu tiền trước** hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì **ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền**.

=> ***Vậy vấn đề ở đây là nếu dịch vụ mà có thu tiền trước theo hóa đơn điện tử thì không phải lập hóa đơn (nếu dịch vụ chưa hoàn thành). Nếu đúng như vậy thì giữa vấn đề xuất hóa đơn dịch vụ này nó phù hợp với vấn đề ghi nhận doanh thu của dịch vụ theo quyết toán thuế TNDN của TT96***

3. Trường hợp **giao hàng nhiều lần** hoặc bàn giao từng **hạng mục, công đoạn dịch vụ** thì **mỗi lần giao hàng** hoặc bàn giao **đều phải lập hóa đơn** cho khối lượng, giá trị hàng hóa, **dịch vụ được giao tương ứng**.

2. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với các trường hợp khác được hướng dẫn như sau:

a) Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với hoạt động **cung cấp điện, nước, dịch vụ viễn thông, dịch vụ truyền hình, dịch vụ công nghệ thông tin** được bán theo kỳ nhất định thực hiện **chậm nhất không quá bảy (7) ngày kế tiếp kể từ ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ hoặc ngày kết thúc kỳ quy ước đối với** việc cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình, dịch vụ công nghệ thông tin. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình, dịch vụ công nghệ thông tin với người mua.

b) Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với **xây dựng, lắp đặt** là **thời điểm nghiệm thu**, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, **không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền**.

c) Đối với tổ chức **kinh doanh bất động sản**, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng **nhà để bán, chuyển nhượng**:

c.1) Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc **tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng** thì thời điểm lập hóa đơn điện tử là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng.

c.2) Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Xử lý sai sót hóa đơn điện tử CÓ MÃ và KHÔNG CÓ MÃ khi có sai sót (Xem điều 11 và điều 17 của TT68). Chắt từ 1/11/2020 mới có thể áp dụng được về vấn đề xử lý sai sót hóa đơn điện tử vì Cơ quan thuế phải chuẩn bị Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

➤ **Điều 11: Xử lý hóa đơn điện tử có sai sót sau khi cấp mã (TỨC LÀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ RỒI)**

1. Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế **CHƯA GỬI CHO NGƯỜI MUA có sai sót** thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo **Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới, ký số, ký điện tử** gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế.

MẪU SỐ 04 THEO NGHỊ ĐỊNH 119

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

mẫu số 04 theo ND 119

THÔNG BÁO HỦY HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Người nộp thuế thông báo về việc hủy/giải trình hóa đơn điện tử do sai sót như sau:

STT	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn điện tử	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Hủy/giải trình	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

2. Trường hợp **hóa đơn điện tử có mã** của cơ quan thuế **ĐÃ GỬI CHO NGƯỜI MUA** phát hiện có sai sót thì xử lý như sau:

a) Trường hợp có **SAI SÓT** về **TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA NGƯỜI MUA** nhưng **KHÔNG SAI MÃ SỐ THUẾ**, các nội dung khác không sai sót thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn có sai sót và **thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và KHÔNG PHẢI LẬP LẠI HÓA ĐƠN**;

MẪU SỐ 04 THEO NGHỊ ĐỊNH 119

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

mẫu số 04 theo ND 119

THÔNG BÁO HỦY HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Người nộp thuế thông báo về việc hủy/giải trình hóa đơn điện tử do sai sót như sau:

STT	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn điện tử	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Hủy/giải trình	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

b) Trường hợp **CÓ SAI VỀ MÃ SỐ THUẾ, VỀ SỐ TIỀN GHI TRÊN HÓA ĐƠN, SAI VỀ THUẾ SUẤT, TIỀN THUẾ, HOẶC HÀNG HÓA GHI TRÊN HÓA ĐƠN** không đúng quy cách, chất lượng thì **người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót và người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về việc hủy hoá đơn điện tử và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót.** Sau khi nhận được thông báo, cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế. **Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn...số hóa đơn..., ngày... tháng... năm”.** Người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót sau đó người bán gửi cơ quan thuế **để cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn điện tử mới.**

3. Trường hợp **cơ quan thuế phát hiện** hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo **Mẫu số 05 Phụ lục** ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP **để người bán kiểm tra sai sót.** Trong **thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế,** người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo **Mẫu số 04 Phụ lục** ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và **lập hóa đơn điện tử mới, ký số, ký điện tử gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập để gửi cho người mua** theo hướng dẫn tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này. Nếu người bán không thông báo với cơ quan thuế **thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo cho người bán về sai sót của hóa đơn đã được cấp mã để người bán thực hiện điều chỉnh hoặc hủy hóa đơn.**

MẪU SỐ 05 THEO NGHỊ ĐỊNH 119

Mẫu số 05						
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----					
mẫu số 05 theo nghị định 119						
Số:/TB-....., ngày.....tháng.....năm.....						
THÔNG BÁO VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CẦN RÀ SOÁT						
Tên người nộp thuế:						
Mã số thuế:						
Địa chỉ liên hệ:						
Cơ quan thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử của đơn vị cần rà soát như sau:						
STT	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn điện tử	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn điện tử	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Lý do cần rà soát
1	2	3	4	5	6	7
Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, đơn vị thực hiện thông báo với cơ quan thuế.						
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO (Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)						

4. Cơ quan thuế thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý theo mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP cho người bán. Hóa đơn điện tử đã hủy không có giá trị sử dụng **nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu.**

➤ **Điều 17. Xử lý đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập (TỨC LÀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ KHÔNG CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ)**

1. Trường hợp **hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế ĐÃ GỬI CHO NGƯỜI MUA** có phát hiện sai sót thì xử lý như sau:

a) Trường hợp có sai sót về **TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA NGƯỜI MUA** nhưng **KHÔNG SAI MÃ SỐ THUẾ**, các nội dung khác không sai sót thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn có sai sót và **không phải lập lại hóa đơn**. Trường hợp **DỮ LIỆU** hóa đơn điện tử **ĐÃ GỬI CHO CƠ QUAN THUẾ** thì người bán thực hiện **thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04** (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP).

MẪU SỐ 04 THEO NGHỊ ĐỊNH 119

Mẫu số 04							
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----							
mẫu số 04 theo ND 119							
THÔNG BÁO HỦY HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ Kính gửi: (Cơ quan thuế)							
Tên người nộp thuế:							
Mã số thuế:							
Người nộp thuế thông báo về việc hủy/giải trình hóa đơn điện tử do sai sót như sau:							
STT	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn điện tử	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Hủy/giải trình	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8
....., ngày..... tháng..... năm..... NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ (Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)							

b) Trường hợp có SAI VỀ MÃ SỐ THUẾ, VỀ SỐ TIỀN ghi trên hóa đơn, SAI VỀ THUẾ SUẤT, TIỀN THUẾ hoặc hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn...số hóa đơn..., ngày... tháng... năm”. Người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót sau đó người bán gửi cho người mua. Trường hợp dữ liệu hóa đơn điện tử có sai sót đã gửi cơ quan thuế thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo **Mẫu số 04** (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) và gửi dữ liệu hóa đơn điện tử mới theo phương thức và thời gian nêu tại Điều 16 Thông tư này.

MẪU SỐ 04 THEO NGHỊ ĐỊNH 119

Mẫu số 04							
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----							
mẫu số 04 theo ND 119							
THÔNG BÁO HỦY HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ Kính gửi: (Cơ quan thuế)							
Tên người nộp thuế:							
Mã số thuế:							
Người nộp thuế thông báo về việc hủy/giải trình hóa đơn điện tử do sai sót như sau:							
STT	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn điện tử	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Hủy/giải trình	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8
....., ngày..... tháng..... năm..... NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ (Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)							

Điều 16: Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế

1. Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế có trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đã lập đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (*chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử*).

2. Phương thức và thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử

a) Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử (theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này) cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các trường hợp sau (gồm có 4 trường hợp):

- Cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực: **buu chính viễn thông, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, vận tải hàng không**.

- Bán hàng hóa là **điện, nước sạch** nếu có thông tin về mã khách hàng hoặc mã số thuế của khách hàng.

- Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến người tiêu dùng là cá nhân mà trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ người mua theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này (TT68. Các bạn xem lại bên trên nhé)

- Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu đến người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán hàng cho người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh trong ngày theo từng mặt hàng để thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.

Người bán lập **Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng/quý** (tính từ ngày đầu của tháng, quý đến ngày cuối cùng của tháng, quý) theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này để gửi cơ quan thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp phát sinh số lượng hóa đơn lớn thì người bán lập nhiều bảng tổng hợp dữ liệu, trên mỗi bảng thể hiện số thứ tự của bảng tổng hợp trong kỳ tổng hợp dữ liệu.

Sau thời hạn chuyển dữ liệu hóa đơn điện đến cơ quan thuế, người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung trong trường hợp gửi thiếu dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế.

Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn đã gửi cơ quan thuế có sai sót thì người bán gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp.

Xem phụ lục II của TT68 mà chuyển cho Cơ quan thuế trùng với thời gian nộp tờ khai thuế GTGT

PHỤ LỤC II													
MẪU BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ													
[01] Kỳ dữ liệu: Tháng năm hoặc quý năm 1													
[02] Lần đầu [] [03] Bổ sung lần thứ []													
[04] Tên người nộp thuế: Phụ lục II theo TT68													
[05] Mã số thuế: <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 20px; margin-right: 10px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 40px; height: 20px;"></div> </div> <div style="text-align: right; margin-top: 5px;">Số:</div>													
STT	Ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày tháng năm lập hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua/mã khách hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa	Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTGT	Thuế suất thuế GTGT	Tổng số thuế GTGT	Tổng tiền thanh toán	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

Phụ lục II của TT68

2

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

<Chữ ký số của người nộp thuế>

Ghi chú:

- Trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư thì bỏ trống các chỉ tiêu không có trên hóa đơn.

- Các chỉ tiêu (7), (8), (9) chỉ áp dụng đối với trường hợp bán xăng dầu cho người tiêu dùng là cá nhân. Người bán tổng hợp dữ liệu của các hóa đơn bán cho người tiêu dùng là cá nhân trong ngày theo từng mặt hàng.

- Chỉ tiêu (6): người bán điền mã số thuế đối với người mua là tổ chức kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mã số thuế, trường hợp là cá nhân tiêu dùng cuối cùng không có mã số thuế thì để trống; mã khách hàng đối với trường hợp bán điện, nước cho khách hàng không có mã số thuế.

b) Phương thức chuyển đầy đủ nội dung hóa đơn áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

Người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi hóa đơn cho người mua và đồng thời gửi hóa đơn cho cơ quan thuế.

3. Người bán thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo **định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 5 Thông tư này (TT68)** và hướng dẫn của Tổng cục Thuế bằng **hình thức gửi trực tiếp** (đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu) hoặc **gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.** Xem điều 5 của TT 68 bên dưới

a) Hình thức gửi trực tiếp

- Tổng cục Thuế lựa chọn các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn số lượng lớn, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này (xem bên dưới), có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế để thông báo về việc kết nối kỹ thuật để chuyển dữ liệu hóa đơn.
- Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu

hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến Tổng cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật.

b) Hình thức gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp nêu tại điểm a khoản này thực hiện ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử làm dịch vụ chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế.

Căn cứ hợp đồng được ký kết, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức này gửi tiếp đến cơ quan thuế.

Điều 5 của TT68: Định dạng hóa đơn điện tử

1. Định dạng hóa đơn điện tử là tiêu chuẩn kỹ thuật quy định kiểu dữ liệu, chiều dài dữ liệu của các trường thông tin phục vụ truyền nhận, lưu trữ và hiển thị hóa đơn điện tử. **Định dạng hóa đơn điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML** (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin).=> **VẬY LÀ ĐỊNH DẠNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ LÀ XML**

2. Định dạng hóa đơn điện tử gồm hai thành phần: **thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử** và **thành phần chứa dữ liệu chữ ký số**. Đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì có thêm thành phần chứa dữ liệu liên quan đến mã cơ quan thuế.

3. Tổng cục Thuế xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và **cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này.**

4. Tổ chức, doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khi chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế **bằng hình thức gửi trực tiếp phải đáp ứng yêu cầu sau:**

a) Kết nối với Tổng cục Thuế thông qua kênh thuê riêng hoặc kênh MPLS VPN Layer 3, gồm 1 kênh truyền chính và 1 kênh truyền dự phòng. Mỗi kênh truyền có băng thông tối thiểu 5 Mbps.

b) Sử dụng dịch vụ Web (Web Service) hoặc Message Queue (MQ) có mã hóa làm phương thức để kết nối.

c) Sử dụng giao thức SOAP để đóng gói và truyền nhận dữ liệu.

5. Hóa đơn điện tử phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của hóa đơn đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người mua có thể đọc được bằng phương tiện điện tử.

4. Trường hợp Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gặp lỗi kỹ thuật chưa tiếp nhận được dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trong thời gian này tổ chức, doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 3 Điều này và tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử tạm thời chưa chuyển dữ liệu hóa đơn không có mã đến cơ quan thuế.

Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế có thông báo Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoạt động trở lại bình thường, tổ chức, doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 3 Điều này và tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử chuyển dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế. Việc gửi dữ liệu hóa đơn điện tử sau khi có thông báo Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gặp lỗi kỹ thuật không được xác định là hành vi chậm gửi dữ liệu hóa đơn điện tử.

5. Người bán chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của hóa đơn điện tử đã lập gửi cơ quan thuế, gửi tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

2. Trường hợp sau khi nhận dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo

Mẫu số 05 (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) để người bán kiểm tra sai sót. **Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04** (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) về việc hủy hóa đơn (nếu có). **Nếu người bán thông báo hủy hóa đơn điện tử đã lập thì người bán lập hóa đơn điện tử mới để gửi người mua và gửi lại dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế.** Nếu người bán không thông báo với cơ quan thuế thì cơ quan thuế tiếp tục thông báo cho người bán về sai sót của hóa đơn đã lập để người bán thực hiện điều chỉnh hoặc hủy hóa đơn.

3. Cơ quan thuế thông báo về việc **tiếp nhận và kết quả xử lý theo Mẫu số 04** (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) cho người bán. Hóa đơn điện tử đã hủy không có giá trị sử dụng nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu.

LƯU Ý: XỬ LÝ SAI SÓT HÓA ĐƠN GIẤY THEO TT26 VÀ TT39 **(ĐIỀU 16)**

1. Trường hợp lập hóa đơn **chưa giao cho người mua**, nếu phát hiện hóa đơn lập sai, người bán gạch chéo các liên và lưu giữ số hóa đơn lập sai.
=> Tức là kẹp hóa đơn sai và viết lại hóa đơn mới

2. Trường hợp **hóa đơn đã lập và giao cho người mua nhưng chưa giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc hoá đơn đã lập và giao cho người mua, người người bán và người mua chưa kê khai thuế** nếu phát hiện sai phải hủy bỏ, người bán và người mua lập biên bản thu hồi các liên của số hoá đơn đã lập sai. **Biên bản thu hồi hoá đơn phải thể hiện được lý do thu hồi hoá đơn. Người bán gạch chéo các liên, lưu giữ số hoá đơn lập sai và lập lại hóa đơn mới theo quy định.**
=> Tức là thu hồi lại hóa đơn lập sai và kẹp chung biên bản thu hồi hóa đơn và viết lại hóa đơn mới

3. Trường hợp hóa đơn **đã lập và giao cho người mua**, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, **người bán và người mua đã kê khai thuế**, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải **lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót**, đồng thời người **bán lập hoá đơn điều chỉnh sai sót**. Hoá đơn ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) số lượng hàng hoá, giá bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng..., tiền thuế giá trị gia tăng cho hoá đơn số..., ký hiệu... **Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh, người bán và người mua kê khai**

điều chỉnh doanh số mua, bán, thuê đầu ra, đầu vào. Hoá đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-).

⇒ Không thu hồi hóa đơn. Hai bên tiến hành lập biên bản điều chỉnh và viết thêm hóa đơn điều chỉnh

Lưu ý: *Nếu sai tên Cty HOẶC sai địa chỉ của người mua mà đúng mã số thuế người mua thì 2 bên lập biên bản điều chỉnh là được rồi không cần phải lập hóa đơn điều chỉnh. (Cho dù hóa đơn có giao cho khách hàng hay chưa)*

6. Về việc sử dụng hóa đơn điện tử khi xuất khẩu hàng hóa dịch vụ

Theo như khoản Điểm c Khoản 5 Điều 6 của TT68 thì **trường hợp xuất khẩu trực tiếp** hàng hóa **hoặc ủy thác xuất khẩu hàng hóa** đều phải sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử, cụ thể như sau: (KHÔNG CÒN SỬ DỤNG HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI NỮA)

- **Cơ sở kinh có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu** (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử.

Khi xuất hàng hóa **để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu**, cơ sở **sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử** theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. **Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu**, cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng cho hàng hóa xuất khẩu.

- **Trường hợp ủy thác xuất khẩu hàng hóa:**

+ Khi xuất hàng giao **cho cơ sở nhận ủy thác**, cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu sử dụng **Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử**.

+ **Khi hàng hóa đã thực xuất khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan**, căn cứ vào các chứng từ đối chiếu, xác nhận về số lượng, giá trị hàng hóa thực tế xuất khẩu của **cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu**, cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu **lập hóa đơn điện tử giá trị gia tăng để kê khai nộp thuế**, hoàn thuế giá trị gia tăng hoặc hóa đơn điện tử bán hàng. *Cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu sử dụng hóa đơn điện tử giá trị gia tăng hoặc hóa đơn điện tử bán hàng để xuất cho khách hàng nước ngoài.*

7. Doanh nghiệp nào sẽ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế và doanh nghiệp nào sẽ sử dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế

CÂU HỎI 1: Doanh nghiệp nào thì áp dụng **HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ** và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nào thì áp dụng **HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ KHÔNG CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

TRẢ LỜI 1: Theo như Điều 12 của Nghị định 119. “Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ” có nêu như sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức **KHÁC** sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, **không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.**

=> Tức là mỗi lần bán hàng hóa dịch vụ là xuất hóa đơn **không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (trên hay dưới 200k đều phải xuất hóa đơn)**

2. Doanh nghiệp kinh doanh ở các lĩnh vực: **điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy; nước sạch; tài chính tín dụng; bảo hiểm; y tế; kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh siêu thị; thương mại và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và đảm bảo việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế** thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này và trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

=> **VẬY CHỈ CÓ TRƯỜNG HỢP SAU LÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN KHÔNG CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ:** Doanh nghiệp kinh doanh ở các lĩnh vực sau:

- *Điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy;*
- *Nước sạch; tài chính tín dụng; bảo hiểm; y tế; kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh siêu thị; thương mại*

-Và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và đảm bảo việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế

Lưu ý:Đối với các lĩnh vực sử dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế thì các lĩnh vực được xác định theo ngành kinh tế cấp 4 theo Danh mục hệ thống ngành kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 7/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử được xác định theo mã ngành bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua internet; kinh doanh siêu thị được xác định theo mã ngành bán lẻ trong siêu thị, trong cửa hàng tiện lợi; kinh doanh thương mại được xác định theo các mã ngành bán buôn, bán lẻ các mặt hàng.

=> **Vậy các bạn xem doanh nghiệp mình có thuộc trường hợp được phép sử dụng hóa đơn điện tử có mã hay không có mã của cơ quan thuế nhé. ĐẠI ĐA SỐ LÀ DOANH NGHIỆP LÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN KHÔNG CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc trường hợp **rủi ro cao về thuế thì sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế** khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

=> Vậy doanh nghiệp mà có rủi ro cao về thuế thì **BẮT BUỘC SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ.** Theo như **điểm b, khoản 3 Điều 6 của TT68.** Doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế là doanh nghiệp **có VỐN CHỦ SỞ HỮU DƯỚI 15 TỶ đồng và có một trong các dấu hiệu sau (8 dấu hiệu).**

b.1) Không có quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp các cơ sở vật chất sau: nhà máy; xưởng sản xuất; kho hàng; phương tiện vận tải; cửa hàng và các cơ sở vật chất khác.

b.2) Doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác đất, đá, cát, sỏi.

b.3) Doanh nghiệp có giao dịch qua ngân hàng đáng ngờ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b.4) Doanh nghiệp có doanh thu từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp khác mà chủ các doanh nghiệp này có mối quan hệ cha mẹ, vợ chồng, anh chị em ruột hoặc quan hệ liên kết sở hữu chéo chiếm tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu kinh doanh trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN của năm quyết toán.

b.5) Doanh nghiệp không thực hiện kê khai thuế theo quy định: Không nộp hồ sơ khai thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh; ngủ kinh doanh quá thời hạn đã thông báo tạm ngủ kinh doanh với cơ quan thuế và cơ quan thuế kiểm tra xác nhận doanh nghiệp có sản xuất kinh doanh nhưng không kê khai thuế; không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh và không khai báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan thuế kiểm tra không xác định được nơi đăng ký thường trú, tạm trú của người đại diện theo pháp luật, chủ doanh nghiệp.

b.6) Doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn điện tử có sự thay đổi địa chỉ kinh doanh từ 2 lần trở lên trong vòng 12 tháng mà không khai báo theo quy định hoặc không kê khai, nộp thuế ở nơi đăng ký mới theo quy định.

b.7) Doanh nghiệp đang mua hóa đơn của cơ quan thuế (thực hiện Quyết định “về việc doanh nghiệp có rủi ro cao chuyển sang sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế”) được cơ quan thuế Thông báo chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

b.8) Trong thời gian 01 năm tính đến thời điểm đánh giá:

- Doanh nghiệp bị cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn liên quan đến hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn dẫn đến trốn thuế, gian lận thuế, nộp chậm tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế và bị xử phạt từ 20 triệu đồng trở lên;

- Doanh nghiệp bị cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn 02 lần/năm với tổng số tiền phạt 8 triệu đồng trở lên;

- Doanh nghiệp bị cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn từ 03 lần/năm.

c) Tổng cục Thuế có trách nhiệm xây dựng tiêu chí rủi ro trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền; xây dựng quy trình nghiệp vụ và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng thống nhất trong toàn quốc **nhằm đánh giá xác định các trường hợp có dấu hiệu rủi ro trong việc phát hành và sử dụng hóa đơn.**

d) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Cục thuế, Chi cục thuế) có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc loại rủi ro cao về thuế (thông báo theo **Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP**) chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

Mẫu số 07 của nghị định 119 mà Cơ quan thuế thông báo cho Cty biết là Cty sẽ áp dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày.....tháng.....năm..... □

THÔNG BÁO

Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế qua cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế/quia ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế

Kính gửi : (Họ tên người nộp thuế:....)
(Mã số thuế:....)

Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, Cơ quan thuế thông báo người nộp thuế kể từ ngày.....tháng.....năm 201.... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/quia ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế), đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

mẫu số 07 của nghị định 119

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG
BÁO**

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

đ) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có sử dụng hóa đơn điện tử thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử **có mã của cơ quan thuế trong 12 tháng hoạt động liên tục**. Sau thời gian 12 tháng, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp rủi ro **nếu được cơ quan thuế qua rà soát xác định không rủi ro**, đáp ứng được điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử không mã, và có **đề nghị sử dụng hóa đơn điện tử không**

có mã thì thực hiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Mẫu số 01 về việc thực hiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế ban hành theo nghị định 119/2018

mẫu số 01 ND 119

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Người liên hệ:

Địa chỉ liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử:

Điện thoại liên hệ:

Theo Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

- Áp dụng hóa đơn điện tử:

- ☐ Có mã của cơ quan thuế
- ☐ Không có mã của cơ quan thuế

- Đăng ký giao dịch qua:

- ☐ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (theo khoản...Điều...Nghị định)
- ☐ Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử

- Loại hóa đơn sử dụng:

- ☐ Hóa đơn GTGT
- ☐ Hóa đơn bán hàng
- ☐ Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền
- ☐ Các loại hóa đơn khác

- Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

2

mẫu số 01 ND 119

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

4. Hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện sổ sách kế toán, sử dụng thường xuyên từ **10 lao động trở lên và có doanh thu năm trước liền kề từ 03 (ba) tỷ đồng trở lên** trong lĩnh vực **nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng hoặc có doanh thu năm trước liền kề từ 10 (mười) tỷ đồng trở lên** trong lĩnh vực **thương mại, dịch vụ phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế** khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Hộ, cá nhân kinh doanh không thuộc diện bắt buộc nhưng có thực hiện sổ sách kế toán, có yêu cầu thì cũng được áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định.

5. Hộ, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực **nhà hàng, khách sạn, bán lẻ thuốc tân dược, bán lẻ hàng tiêu dùng, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng** tại một số địa bàn có **điều kiện thuận lợi** thì triển khai thí điểm **hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được KHỞI TẠO TỪ MÁY TÍNH TIỀN có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế từ năm 2018**. Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm sẽ triển khai trên toàn quốc.

6. Hộ, cá nhân kinh doanh không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại **khoản 4 Điều này** nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng hoặc trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử để giao cho khách hàng thì được **cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế** theo từng lần phát sinh và

phải khai, nộp thuế trước khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh theo **Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (ND119)**.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

mẫu số 06 của ND119

1

ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ
(Theo từng lần phát sinh)

Kính gửi:.....

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẺ HÓA ĐƠN:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Địa chỉ liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử:

Điện thoại liên hệ:

3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):

Cấp ngày: Cơ quan cấp

4. Mã số thuế (nếu có):

5. Tên người nhận hóa đơn (Trường hợp là cá nhân thì tên người nhận hóa đơn là cá nhân đề nghị cấp hóa đơn):

6. Số CMND người đi nhận hóa đơn:

Ngày cấp: Nơi cấp:

II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ:

- Tên hàng hóa, dịch vụ:

- Tên người mua hàng hóa, dịch vụ:

- Địa chỉ người mua hàng hóa, dịch vụ:

- Mã số thuế người mua hàng hóa, dịch vụ:

- Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ (nếu có):

- Doanh thu phát sinh:

Chúng tôi xin cam kết:

2

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.

- Quản lý hóa đơn do cơ quan Thuế phát hành đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

mẫu số 06 theo ND119

....., ngàytháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

7. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thực hiện đối với các trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, **sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế**; hướng dẫn áp dụng hóa đơn điện tử đối với các trường hợp rủi ro cao về thuế; kết nối chuyển dữ liệu điện tử từ các ngân hàng thương mại hoặc cổng thanh toán điện tử quốc gia với cơ quan thuế; hướng dẫn việc cấp và khai xác định nghĩa vụ thuế khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo **từng lần phát sinh** và các nội dung khác cần thiết theo yêu cầu quản lý.

CÂU HỎI 2: Lập hóa đơn điện tử để gửi cơ quan thuế cấp mã như thế nào?

TRẢ LỜI 2: theo như Điều 16 của Nghị định 119: **Điều 16. Lập, cấp mã và gửi hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**

1. Lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này (*ND 119. Xem Điều 13 ND 119 bên dưới nhé*) **nếu truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lập hóa đơn thì sử dụng tài khoản đã được cấp khi đăng ký để thực hiện:**

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Ký số, ký điện tử trên các hóa đơn đã lập **và gửi hóa đơn để cơ quan thuế cấp mã.**

Điều 13. Cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

1. **Tổng cục Thuế cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử CÓ MÃ của cơ quan thuế không thu tiền đối** với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh **thuộc các trường hợp sau:**

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định pháp luật và hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản này) trong thời gian 12 tháng kể từ khi thành lập doanh nghiệp;

c) Hộ, cá nhân kinh doanh. Riêng hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trước liền kề từ 03 (ba) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng hoặc có doanh

thu năm trước liền kề từ 10 (mười) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này trong thời gian 12 tháng kể từ tháng áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này;

d) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định của Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao;

đ) Các trường hợp khác cần thiết để khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử do Bộ Tài chính quyết định.

2. Tổng cục Thuế thực hiện hoặc ủy thác **cho tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử thực hiện cung cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí** cho các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử khi cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được thu tiền dịch vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng ký giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh **không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.**

b) Trường hợp **sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử:** Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh truy cập vào trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc sử dụng phần mềm hóa đơn điện tử của đơn vị để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Ký số, ký điện tử trên các hóa đơn đã lập và **gửi hóa đơn qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để cơ quan thuế cấp mã.**

2. Cấp mã hóa đơn

a) Hóa đơn được cơ quan thuế cấp mã phải đảm bảo:

- Đúng thông tin đăng ký theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.
- Đúng định dạng về hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.
- Đầy đủ nội dung về hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.
- Không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

b) Hệ thống cấp mã hóa đơn của Tổng cục Thuế tự động thực hiện cấp mã hóa đơn và gửi trả kết quả cấp mã hóa đơn cho người gửi.

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có trách nhiệm gửi hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế cho người mua. Phương thức gửi và nhận hóa đơn được thực hiện theo thỏa thuận giữa người bán và người mua.

8. Sử dụng hóa đơn điện tử CÓ MÃ theo từng lần phát sinh (Theo như khoản 4 Điều 6 của TT68): Hóa đơn điện tử có mã **CẤP THEO TỪNG LẦN PHÁT SINH** gồm **HÓA ĐƠN GTGT** và **HÓA ĐƠN BÁN HÀNG**

a.1) **CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ** của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là HÓA ĐƠN BÁN HÀNG trong các trường hợp (**4 TRƯỜNG HỢP**):

- Hộ, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP;

Khoản 6 Điều 12 của Nghị định 119:. Hộ, cá nhân kinh doanh không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại khoản 4 Điều này (Điều 12) nhưng **cần có hóa đơn để giao cho khách hàng** hoặc trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử để giao cho khách hàng thì **được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh và phải khai, nộp thuế** trước khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

MẪU SỐ 06 THEO NGHỊ ĐỊNH 119

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

mẫu số 06 theo ND 119

1

ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ

(Theo từng lần phát sinh)

Kính gửi:

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẺ HÓA ĐƠN:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Địa chỉ liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử:

Điện thoại liên hệ:

3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):

Cấp ngày: Cơ quan cấp

4. Mã số thuế (nếu có):

5. Tên người nhận hóa đơn (Trường hợp là cá nhân thì tên người nhận hóa đơn là cá nhân đề nghị cấp hóa đơn):

6. Số CMND người đi nhận hóa đơn:

Ngày cấp: Nơi cấp:

II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ:

mẫu số 06 theo ND 119

2

- Tên hàng hóa, dịch vụ:
- Tên người mua hàng hóa, dịch vụ:
- Địa chỉ người mua hàng hóa, dịch vụ:
- Mã số thuế người mua hàng hóa, dịch vụ:
- Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ (nếu có):
- Doanh thu phát sinh:

Chúng tôi xin cam kết:

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.
- Quản lý hóa đơn do cơ quan Thuế phát hành đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngàytháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

- ***Tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;***
- ***Doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua;***
- ***Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thuộc các trường hợp sau:***
 - + **Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua;**

+ **Tạm ngừng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế thông báo tạm ngừng kinh doanh;**

+ **Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp thông báo không được sử dụng hóa đơn điện tử.**

a.2) Cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế **theo từng lần phát sinh là HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** trong các trường hợp (**2 TRƯỜNG HỢP**):

- **Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc diện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuộc các trường hợp sau:**

+ **Ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua;**

+ **Tạm ngừng hoạt động kinh doanh cần có hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế thông báo tạm ngừng kinh doanh;**

+ **Bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp thông báo không được sử dụng hóa đơn hóa đơn điện tử;**

- **Tổ chức, cơ quan nhà nước không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có bán đấu giá tài sản, trường hợp giá trúng đấu giá là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng được công bố rõ trong hồ sơ bán đấu giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được cấp hóa đơn giá trị gia tăng để giao cho người mua.**

b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh **gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP đến cơ quan thuế và truy cập vào hệ thống lập hóa đơn điện tử của cơ quan thuế để lập hóa đơn điện tử.**

Sau khi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí khác (nếu có), **cơ quan thuế cấp mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lập.**

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh được cơ quan thuế cấp mã.

c) Xác định cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

c.1) **Đối với tổ chức, doanh nghiệp:** Cơ quan thuế quản lý **địa bàn nơi tổ chức, doanh nghiệp đăng ký mã số thuế hoặc nơi tổ chức đóng trụ sở** hoặc nơi được ghi trong quyết định thành lập hoặc nơi phát sinh việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

c.2) **Đối với hộ, cá nhân kinh doanh:**

- **Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định:** Hộ, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh **tại Chi cục Thuế quản lý nơi hộ, cá nhân kinh doanh tiến hành hoạt động kinh doanh.**

- Đối với hộ, cá nhân kinh doanh **không có địa điểm kinh doanh cố định:** Hộ, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh **tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú hoặc nơi hộ, cá nhân đăng ký kinh doanh.**

9. ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG hóa đơn điện tử CÓ MÃ của Cơ quan thuế

Theo quy định tại Điều 8 của TT68 :” Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

1. Việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại **Điều 14 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.**

Điều 14 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP như sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp **sử dụng hóa đơn điện tử có mã** của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định này truy cập vào **Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**. Nội dung thông tin đăng ký theo **Mẫu số 01** Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Mẫu số 01 ban hành theo nghị định 119

mẫu số 01 ND 119	Mẫu số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
1	
TỜ KHAI Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	
Tên người nộp thuế:	
Mã số thuế:	
Người liên hệ:	
Địa chỉ liên hệ:	
Địa chỉ thư điện tử:	
Điện thoại liên hệ:	
Theo Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:	
- Áp dụng hóa đơn điện tử:	
<input type="checkbox"/> Có mã của cơ quan thuế	
<input type="checkbox"/> Không có mã của cơ quan thuế	
- Đăng ký giao dịch qua:	
<input type="checkbox"/> Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (theo khoản...Điều...Nghị định)	
<input type="checkbox"/> Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	
- Loại hóa đơn sử dụng:	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn GTGT	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn bán hàng	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền	
<input type="checkbox"/> Các loại hóa đơn khác	
- Danh sách chứng thư số sử dụng:	

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

2

mẫu số 01 ND 119

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi **Thông báo theo Mẫu số 02** Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh về việc **chấp nhận** hoặc **không chấp nhận** **đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã** của cơ quan thuế qua **Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế** trong thời gian 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh.

Mẫu số 02 Thông báo của Cơ quan thuế về chấp nhận hay không chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

mẫu số 02 theo ND 119

Số:/TB-.....

....., ngày.....tháng.....năm..... □

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận/không chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:....)

(Mã số thuế của NNT:....)

Sau khi xem xét tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử ngày.../.../20..

Cơ quan thuế thông báo (chấp nhận/không chấp nhận) đề nghị sử dụng hóa đơn điện tử của đơn vị.

(Trong trường hợp chấp nhận cho phép người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử thì ghi: Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/điện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại thư điện tử này).

(Trong trường hợp không chấp nhận cho phép doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì ghi: Cơ quan thuế không chấp nhận người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử). Lý do: (Lý do không chấp nhận).

(Trong trường hợp ủy thác qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). (Tên, địa chỉ đăng ký).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG
BÁO**

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

3. Kể từ thời điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh **phải thực hiện hủy những hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.** (Tức là thủ tục hủy hóa đơn giấy xem TT39)

4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện **thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.**

mẫu số 01 ND 119

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Người liên hệ:

Địa chỉ liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử:

Điện thoại liên hệ:

Theo Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

- Áp dụng hóa đơn điện tử:

☐ Có mã của cơ quan thuế

☐ Không có mã của cơ quan thuế

- Đăng ký giao dịch qua:

☐ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (theo khoản...Điều...Nghị định)

☐ Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử

- Loại hóa đơn sử dụng:

☐ Hóa đơn GTGT

☐ Hóa đơn bán hàng

☐ Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền

☐ Các loại hóa đơn khác

- Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

2

mẫu số 01 ND 119

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

4. Cơ quan thuế tiến hành rà soát doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền và gửi thông báo theo **Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này nếu thuộc đối tượng chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này.**

Mẫu số 07 của ND 119

Mẫu số 07	
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO _____	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____
mẫu số 07 của ND 119	
Số:/TB-....., ngày.....tháng.....năm.....
□	
THÔNG BÁO	
Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế qua cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế/qua ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế	
Kính gửi : (Họ tên người nộp thuế:.....) (Mã số thuế:.....)	
Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, Cơ quan thuế thông báo người nộp thuế kể từ ngày....tháng....năm 201.... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế), đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.	
Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.	
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO (Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)	

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi các thông báo theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP tới doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh **qua địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký với cơ quan thuế.**

10. XỬ LÝ SỰ CỐ KỸ THUẬT MÀ HỆ THỐNG CẤP MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ GẶP LỖI: Theo như Điều 12 của TT68. Xử lý sự cố

1. Trường hợp hệ thống cấp mã của cơ quan thuế gặp sự cố, Tổng cục Thuế thực hiện các giải pháp kỹ thuật chuyển sang hệ thống dự phòng và có trách nhiệm thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về các sự cố nêu trên.

2. Trường hợp do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì **tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có trách nhiệm thông báo cho người bán được biết, phối hợp với Tổng cục Thuế để được hỗ trợ kịp thời**. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử phải khắc phục nhanh nhất sự cố, có biện pháp hỗ trợ người bán lập hóa đơn điện tử để gửi cơ quan thuế cấp mã trong thời gian ngắn nhất.

3. Trường hợp người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng gặp sự cố dẫn đến không sử dụng được hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thông báo với cơ quan thuế để hỗ trợ xử lý sự cố. Trong thời gian xử lý sự cố người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có yêu cầu sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì đến cơ quan thuế để sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

11. Lập, cấp mã và gửi hóa đơn điện tử CÓ MÃ của cơ quan thuế

Theo như Điều 10 của TT68: Việc lập, cấp mã và gửi hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Điều 16 của Nghị định 119

Điều 16. Lập, cấp mã và gửi hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

1. Lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này nếu truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lập hóa đơn thì sử dụng tài khoản đã được cấp khi đăng ký để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Ký số, ký điện tử trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn về cơ quan thuế cấp mã.

b) Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh truy cập vào

trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc sử dụng phần mềm hóa đơn điện tử của đơn vị để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Ký số, ký điện tử trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để cơ quan thuế cấp mã.

2. Cấp mã hóa đơn

a) Hóa đơn được cơ quan thuế cấp mã phải đảm bảo:

- Đúng thông tin đăng ký theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.
- Đúng định dạng về hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.
- Đầy đủ nội dung về hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.
- Không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

b) Hệ thống cấp mã hóa đơn của Tổng cục Thuế tự động thực hiện cấp mã hóa đơn và gửi trả kết quả cấp mã hóa đơn cho người gửi.

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có trách nhiệm gửi hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế cho người mua. Phương thức gửi và nhận hóa đơn được thực hiện theo thỏa thuận giữa người bán và người mua.

12. ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG hóa đơn điện tử KHÔNG CÓ MÃ của cơ quan thuế

Theo quy định tại **Điều 13 của TT68** về vấn đề **ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ KHÔNG CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ** như sau:

1. Việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Điều 20. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử **không có mã** của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

Nội dung thông tin đăng ký, thay đổi thông tin đã đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Mẫu số 01 ban hành theo nghị định 119

mẫu số 01 ND 119	Mẫu số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
1	
TỜ KHAI Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	
Tên người nộp thuế:	
Mã số thuế:	
Người liên hệ:	
Địa chỉ liên hệ:	
Địa chỉ thư điện tử:	
Điện thoại liên hệ:	
Theo Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:	
- Áp dụng hóa đơn điện tử:	
<input type="checkbox"/> Có mã của cơ quan thuế	
<input type="checkbox"/> Không có mã của cơ quan thuế	
- Đăng ký giao dịch qua:	
<input type="checkbox"/> Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (theo khoản...Điều...Nghị định)	
<input type="checkbox"/> Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	
- Loại hóa đơn sử dụng:	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn GTGT	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn bán hàng	
<input type="checkbox"/> Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền	
<input type="checkbox"/> Các loại hóa đơn khác	
- Danh sách chứng thư số sử dụng:	

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

2

mẫu số 01 ND 119

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi Thông báo theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Mẫu số 02 Thông báo của Cơ quan thuế về chấp nhận hay không chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN THUẾ
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

mẫu số 02 theo ND 119

Số:/TB-.....

....., ngày.....tháng.....năm..... □

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận/không chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế:....)

(Mã số thuế của NNT:....)

Sau khi xem xét tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử ngày..../..../20..

Cơ quan thuế thông báo (chấp nhận/không chấp nhận) đề nghị sử dụng hóa đơn điện tử của đơn vị.

(Trong trường hợp chấp nhận cho phép người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử thì ghi: Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/điện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại thư điện tử này).

(Trong trường hợp không chấp nhận cho phép doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì ghi: Cơ quan thuế không chấp nhận người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử). Lý do: (Lý do không chấp nhận).

(Trong trường hợp ủy thác qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử). (Tên, địa chỉ đăng ký).

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG
BÁO**

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

3. Kể từ thời điểm sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế phải thực **hiện hủy những hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có)**. (*Tức là thủ tục hủy hóa đơn giấy xem TT39*)

4. Trường hợp cơ quan thuế không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

5. Cơ quan thuế tiến hành rà soát doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế và thông báo theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này nếu thuộc đối tượng chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này.

Mẫu số 07 của ND 119

Mẫu số 07	
TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
mẫu số 07 của ND 119	
Số:/TB-....., ngàytháng.....năm.....
THÔNG BÁO	
Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế qua cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế/quá ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế	
Kính gửi : (Họ tên người nộp thuế:....) (Mã số thuế:....)	
Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, Cơ quan thuế thông báo người nộp thuế kể từ ngày....tháng....năm 201.... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/quá ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế), đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.	
Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.	
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO (Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)	

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế **gửi các thông báo** theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP tới doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh **qua địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký với cơ quan thuế.**

3. Việc hủy hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) và ngừng sử dụng hóa đơn đã thông báo phát hành thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

12. Lập và gửi hóa đơn điện tử KHÔNG CÓ MÃ của Cơ quan thuế đến người mua Theo Điều 14 của TT68. Lập và gửi hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đến người mua

Việc lập và gửi hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đến người mua được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Điều 21 của nghị định 119. Lập và gửi hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sau khi nhận được thông báo chấp nhận của cơ quan thuế.
2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng phần mềm lập hóa đơn điện tử để lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, ký số trên hóa đơn điện tử và gửi cho người mua bằng phương thức điện tử theo thỏa thuận giữa người bán và người mua.

13. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử KHÔNG CÓ MÃ đến cơ quan thuế

Theo như điều 16 của TT68 “Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế”

1. Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử KHÔNG CÓ MÃ của cơ quan thuế có trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đã lập đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (*chuyển trực tiếp hoặc gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử*).

2. Phương thức và thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử

a) Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử (theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này) cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các trường hợp sau (gồm có 4 trường hợp):

- Cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực: **buu chính viễn thông, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, vận tải hàng không**.

- Bán hàng hóa là **điện, nước sạch** nếu có thông tin về mã khách hàng hoặc mã số thuế của khách hàng.

- Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến người tiêu dùng là cá nhân mà trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ người mua theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này (TT68. Các bạn xem lại bên trên nhé)

- Riêng đối với trường hợp bán xăng dầu đến người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán hàng cho người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh trong ngày theo từng mặt hàng để thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.

Người bán lập **Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong tháng/quý** (tính từ ngày đầu của tháng, quý đến ngày cuối cùng của tháng, quý) theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này để gửi cơ quan thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp phát sinh số lượng hóa đơn lớn thì người bán lập nhiều bảng tổng hợp dữ liệu, trên mỗi bảng thể hiện số thứ tự của bảng tổng hợp trong kỳ tổng hợp dữ liệu.

Sau thời hạn chuyển dữ liệu hóa đơn điện đến cơ quan thuế, người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung trong trường hợp gửi thiếu dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế. Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn **đã gửi cơ quan thuế có sai sót** thì người bán **gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp**.

Xem phụ lục II của TT68 mà chuyển cho Cơ quan thuế trùng với thời gian nộp tờ khai thuế GTGT

PHỤ LỤC II

MẪU BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ

[01] Kỳ dữ liệu: Tháng năm hoặc quý năm **1**

[02] Lần đầu []

[03] Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế:

Phụ lục II theo TT68

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Số:.....

STT	Ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày tháng năm lập hóa đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua/mã khách hàng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa	Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTGT	Thuế suất thuế GTGT	Tổng số thuế GTGT	Tổng tiền thanh toán	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

Phụ lục II của TT68

2

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

<Chữ ký số của người nộp thuế>

Ghi chú:

- Trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư thì bỏ trống các chỉ tiêu không có trên hóa đơn.

- Các chỉ tiêu (7), (8), (9) chỉ áp dụng đối với trường hợp bán xăng dầu cho người tiêu dùng là cá nhân. Người bán tổng hợp dữ liệu của các hóa đơn bán cho người tiêu dùng là cá nhân trong ngày theo từng mặt hàng.

- Chỉ tiêu (6): người bán điền mã số thuế đối với người mua là tổ chức kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mã số thuế, trường hợp là cá nhân tiêu dùng cuối cùng không có mã số thuế thì để trống; mã khách hàng đối với trường hợp bán điện, nước cho khách hàng không có mã số thuế.

b) Phương thức chuyển đầy đủ nội dung hóa đơn áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

Người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi hóa đơn cho người mua và đồng thời gửi hóa đơn cho cơ quan thuế.

3. Người bán thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và hướng dẫn của Tổng cục Thuế bằng hình thức gửi trực tiếp (đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu) hoặc gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

a) Hình thức gửi trực tiếp

- Tổng cục Thuế lựa chọn các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn số lượng lớn, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này, có nhu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo hình thức gửi trực tiếp đến cơ quan thuế để thông báo về việc kết nối kỹ thuật để chuyển dữ liệu hóa đơn.

- Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh có tổ chức mô hình Công ty mẹ - con, có xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu hóa đơn tập trung tại Công ty mẹ và có nhu cầu Công ty mẹ chuyển toàn bộ dữ liệu hóa đơn điện tử bao gồm cả dữ liệu của các công ty con đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì gửi kèm theo danh sách công ty con đến Tổng cục Thuế để thực hiện kết nối kỹ thuật.

b) Hình thức gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không thuộc trường hợp nêu tại điểm a khoản này thực hiện ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử làm dịch vụ chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế.

Căn cứ hợp đồng được ký kết, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để tổ chức này gửi tiếp đến cơ quan thuế.

4. Trường hợp Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gặp lỗi kỹ thuật chưa tiếp nhận được dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã, Tổng cục

Thuế có trách nhiệm **thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế**. Trong thời gian này tổ chức, doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 3 Điều này và tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử **tạm thời chưa chuyển dữ liệu hóa đơn không có mã đến cơ quan thuế**.

Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế có thông báo Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoạt động trở lại bình thường, tổ chức, doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản 3 Điều này và tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử chuyển dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế. Việc gửi dữ liệu hóa đơn điện tử sau khi có thông báo Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế **gặp lỗi kỹ thuật không được xác định là hành vi chậm gửi dữ liệu hóa đơn điện tử**.

5. Người bán chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của hóa đơn điện tử đã lập gửi cơ quan thuế, gửi tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

14. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và không có mã của cơ quan thuế (Theo quy định tại Điều 9 và Điều 15 của TT68)

Theo quy định tại Điều 9 và Điều 15 Thông tư số 68/2019/TT-BTC, các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế bao gồm:

- Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP, cụ thể:

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

2

- Các trường hợp khác được hướng dẫn tại Thông tư số 68/2019/TT-BTC như sau:

+ Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

+ Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

+ Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh hoặc được cơ quan thuế khôi phục mã số thuế, được bãi bỏ quyết định cưỡng chế nợ thuế.

3

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh cần có hóa đơn điện tử giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế có thông báo tạm ngừng kinh doanh có văn bản thông báo với cơ quan thuế được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

15. Xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin về hóa đơn

Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế xây dựng phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Tổng cục Thuế có trách nhiệm xử lý thông tin, dữ liệu trước khi được tích hợp và lưu trữ vào cơ sở dữ liệu quốc gia để đảm bảo tính hợp lý, thống nhất. Tổng cục Thuế có trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin về hóa đơn điện tử.

16. Về tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

Căn cứ các nội dung đã được quy định tại Nghị định 119, Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn cụ thể điều kiện đối với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử:

1

Về chủ thể: có tối thiểu 05 năm hoạt động trong lĩnh vực CNTT, đã triển khai hệ thống, ứng dụng CNTT cho tối thiểu 10 tổ chức, đã triển khai hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử giữa các chi nhánh của doanh nghiệp hoặc giữa các tổ chức với nhau.

Về tài chính: có cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị trên 5 tỷ đồng.

Về nhân sự: có tối thiểu 20 nhân viên kỹ thuật trình độ đại học chuyên

ngành về công nghệ thông tin, có kinh nghiệm thực tiễn về quản trị mạng, quản trị cơ sở dữ liệu; có nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi, kiểm tra 24h trong ngày và 7 ngày trong tuần.

2

Về kỹ thuật: có hệ thống thiết bị, kỹ thuật dự phòng đặt tại trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20km sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố.

Kết nối trao đổi dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế phải đáp ứng yêu cầu:

+ Kết nối với cơ quan thuế thông qua kênh thuê riêng hoặc kênh MPLS VPN Layer 3, gồm 1 kênh truyền chính và 2 kênh truyền dự phòng. Mỗi kênh truyền có băng thông tối thiểu 10 Mbps.

+ Sử dụng dịch vụ Web (Web Service) hoặc Message Queue (MQ) có mã hóa làm phương thức để kết nối.

+ Sử dụng giao thức SOAP để đóng gói và truyền nhận dữ liệu.

17. Về hiệu lực thi hành Theo như Điều 26 của TT68 có nêu

1. Thông tư này **có hiệu lực thi hành** kể từ ngày **14 tháng 11 năm 2019**.
2. **Từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến ngày 31 tháng 10 năm 2020**, các văn bản của Bộ Tài chính ban hành sau đây vẫn có hiệu lực thi hành:
 - a) Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
 - b) Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01 tháng 12 năm 2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;
 - c) Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính);
 - d) Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, Quyết định số 526/QĐ-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.
 - đ) Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc gia hạn thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2015;
 - e) Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính).
3. **Từ ngày 01 tháng 11 năm 2020**, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực **hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này**.
4. Từ ngày 01 tháng 11 năm 2020, các Thông tư, Quyết định của Bộ Tài chính nêu tại Khoản 2 Điều này hết hiệu lực thi hành.

18. XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP: theo như điều 27 của TT68 “Điều 27. Xử lý chuyển tiếp”

1. Việc xử lý chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 36 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã thông báo phát hành hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế hoặc đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử đang sử dụng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hoặc đã mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn đã mua đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2020 và thực hiện các thủ tục về hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số [51/2010/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số [04/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Trong thời gian từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, **trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh chuyển đổi để áp dụng hóa đơn điện tử có mã** nếu cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo các hình thức nêu trên thì cơ sở kinh doanh thực hiện **gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định** này cùng với việc nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng. Cơ quan thuế xây dựng dữ liệu hóa đơn của các cơ sở kinh doanh để đưa vào cơ sở dữ liệu hóa đơn và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế phục vụ việc tra cứu dữ liệu hóa đơn.

3. Đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày **01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020**, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này thì cơ sở kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số [51/2010/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số [04/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì thực hiện như các cơ sở kinh doanh nêu tại khoản 2 Điều này.

2. Từ ngày **01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020**, để chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để đăng ký, sử dụng, tra cứu và chuyển dữ liệu lập hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP, **trong khi cơ quan thuế CHƯA thông báo các doanh nghiệp,**

tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và theo hướng dẫn tại Thông tư này thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh vẫn áp dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP.

3. Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà có sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập (theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) có sai sót, sau đó người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).